

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

RESEARCH OF FACTORS AFFECTING FINANCIAL INVESTMENT DECISIONS OF STUDENTS AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Khương Thị Quỳnh An¹, Nguyễn Thị Ngọc¹, Vũ Thị Vân Anh¹, Phạm Thị Thu Hòa¹, Nguyễn Thị Vân Anh¹, Đỗ Hải Hưng^{2,*}

TÓM TẮT

Hiện nay, rất nhiều nghiên cứu nước ngoài đề cập đến hoạt động đầu tư tài chính cá nhân, đặc biệt là các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính. Nghiên cứu lựa chọn phạm vi tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội chủ yếu là khoa Quản lý kinh doanh (QLKD) nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số sinh viên có xu hướng tham gia đầu tư tài chính. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định đầu tư (bao gồm: thái độ bản thân, nhận thức sự hữu ích, chuẩn chủ quan, môi trường học tập, năng lực tài chính, nhận thức kiểm soát hành vi, thái độ bản thân và ý định đầu tư). Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Từ khóa: Đầu tư tài chính, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

ABSTRACT

Currently, a lot of foreign studies refer to personal financial investment activities, especially the factors affecting financial investment decisions. The scope selection study at Hanoi University of Industry is mainly the Faculty of Business Administration to evaluate the factors affecting the financial investment decisions of students. Research results show that the majority of students tend to participate in financial investments. The results of multivariable linear regression model analysis showed factors affecting investment decisions (including: self-attitude, perceived usefulness, subjective standards, learning environment, capacity, etc.) financial strength, perceived behavioral control, self-attitudes, and investment intentions). Research results can serve as a basis for proposing solutions to improve financial investment efficiency of students at Hanoi University of Industry.

Keywords: Financial investment, Hanoi University of Industry.

¹Lớp Kinh tế Đầu tư 2 - K14, Khoa Quản lý Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: dohaihungchau@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, hoạt động đầu tư tài chính ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững ở nhiều quốc

gia. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy sự đóng góp, sự đa dạng trong đầu tư vào việc phát triển nguồn lực kinh tế. Vì vậy, tạo điều kiện để thúc đẩy đầu tư đã và đang trở thành mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều quốc gia.

Xu hướng đầu tư 2021 cho thấy sự thay đổi trong tầm nhìn, tư duy của các cá nhân và doanh nghiệp. Những kênh đầu tư quen thuộc được đặt trong các góc nhìn mới để khai thác hiệu quả tiềm năng. Nền đầu tư gì năm 2021 mang tới khá nhiều sự lựa chọn cho nhà đầu tư.

Mặc dù hiện nay, sinh viên được trang bị tinh thần đầu tư và khởi nghiệp vào các mạng lưới hệ sinh thái tài chính trong và ngoài nước rất phong phú và đa dạng, nhưng do nguồn vốn còn hạn hẹp, tâm lý thị trường chưa nắm vững, kinh nghiệm còn non nớt, kiến thức còn hạn hẹp. Những nguyên nhân nêu trên đã dẫn đến việc người trẻ Việt tham gia đầu tư tài chính rất hạn chế.

Vì thế, thúc đẩy tinh thần tham gia vào các hoạt động đầu tư là rất quan trọng cho sự thành công của xã hội ngày nay, vốn dĩ đang phải đối mặt với những thách thức rất lớn về kinh tế. Đối tượng nghiên cứu hướng đến sinh viên, là những người đang trong thời kỳ quyết định lựa chọn và định hướng nghề nghiệp cho tương lai. Câu hỏi đặt ra ở đây là các nhân tố nào sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính? Xuất phát từ câu hỏi này, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu của Nagy và Obenberger (1994) về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân, nghiên cứu trong bối cảnh tình hình thị trường chứng khoán Mỹ đang phát triển, vì vậy tác giả đã đưa ra 7 nhóm yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân. Đó là: Thông tin trung lập; Thông tin kế toán; Thông tin về hình ảnh, danh tiếng của công ty; Nhóm yếu tố cơ bản (lợi nhuận kỳ vọng, cổ tức kỳ vọng, rủi ro cá nhân,...), Yếu tố xã hội;

Những khuyến nghị đầu tư của tổ chức, cá nhân, bạn bè và nhu cầu tài chính cá nhân. Từ nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng này tác giả đã đưa ra quan điểm về một thị trường riêng là chứng khoán. Tác giả cho rằng khi thị trường chứng khoán của các doanh nghiệp được công bố đầy đủ thì các nhà đầu tư cá nhân sẽ có niềm tin hơn về doanh nghiệp, khi đó xu hướng đầu tư sẽ càng cao.

Nghiên cứu *"Hiểu biết về tài chính cá nhân của sinh viên đại học (nghiên cứu điển hình tại sinh viên Đại học Padjadjaran, Bandung, Indonesia)"* của Sulaeman Rahman Nidar và Sandi Bestari (2012), bằng việc sử dụng mô hình logistic, phương pháp phân tích mô tả và xác minh nghiên cứu tác giả đã đưa ra kết luận: Sự hiểu biết về tài chính cá nhân của sinh viên thuộc loại thấp. Và yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến kiến thức tài chính cá nhân của sinh viên là kiến thức của cha mẹ, tiền tiêu vật / thu nhập, trình độ học vấn, giảng viên, thu nhập của cha mẹ và bảo hiểm tài sản. Trong đó, ảnh hưởng nhiều nhất đến từ gia đình hoặc cha mẹ, điều này cho thấy rằng gia đình vẫn là nguồn kiến thức quan trọng nhất về quản lý tài chính cá nhân, gia đình đóng một vai trò quan trọng trong làm gương cho những người con. Và cũng từ đây tác giả cũng đã đưa ra những lời khuyến nghị cho mọi người, đó là cần tăng cường giáo dục tài chính cho sinh viên, cha mẹ cần làm gương cho con được hiểu về quản lý tài chính cá nhân và có sự phối hợp giữa các bên có trách nhiệm trong việc cung cấp kiến thức quản lý tài chính cho cộng đồng.

Ngoài các nghiên cứu tổng quan từ các tác phẩm nước ngoài nhóm nghiên cứu còn tham khảo một số các nghiên cứu trong nước. Theo bài *"Đầu tư thông minh với top 7 các hình thức đầu tư tài chính dài hạn"* thì sự biến động của thị trường là mối quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư. Thông thường, biến động thị trường được sử dụng để đo lường mức độ thay đổi giá cả theo thời gian. Vì vậy lợi thế của việc đầu tư dài hạn được tìm thấy trong điểm chung giữa thời gian và sự biến động thị trường. Cho thấy, các khoản đầu tư dài hạn thể hiện mức độ biến động thấp hơn so với các khoản đầu tư ngắn hạn. Thời gian đầu tư càng dài, khả năng vượt qua giai đoạn thị trường thấp càng cao.

Theo bài viết *"Xu hướng đầu tư tài chính tốt nhất hiện nay 2020-2025"*, cho nhận là một hình thức luân chuyển tài chính tạo sức hút và phát triển bùng nổ năm 2016-2017 và ICO, LENDING là trend của 2017-2018. Từ 2014 - 2015 đây là năm của tiền ảo, dựa vào sự thành công của đồng Bitcoin nên sẽ có rất nhiều các đồng coin được tạo ra và đã có rất nhiều người họ đã nắm bắt được xu hướng này. Nhưng đến năm 2020-2025 sẽ là thời điểm vàng cho các phương thức thanh toán điện tử, ngân hàng điện tử và từ đó tiền điện tử sẽ là một sự lựa chọn sáng giá trong triển vọng tăng trưởng đột phát cho nhà đầu tư nắm bắt sớm ngay hôm nay. Vì thế xu hướng cho các nhà đầu tư trên thế giới là cùng dùng chung một đồng tiền có tính thanh khoản cao, có giá trị tăng dần theo thời gian đó là Bitcoin, sẽ được nhiều người quan tâm, chú ý. Chính vì vậy, xu hướng đầu tư hiệu quả tốt nhất hiện nay ngoài việc đầu tư vào các tài sản khác như

vàng, bất động sản, chứng khoán hay chứng chỉ quỹ thì những nhà đầu tư có thể tham gia đầu tư thêm về tiền điện tử như Bitcoin.

Nghiên cứu *"các yếu tố tài chính ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân tại sàn giao dịch Tp Hồ Chí Minh"* của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2011) đã cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư cá nhân là: lợi nhuận kì vọng, chính sách chia cổ tức, tỉ lệ chia cổ tức và mệnh giá cổ phiếu. trong đó yếu tố lợi nhuận kì vọng, tỉ lệ chia cổ tức và mệnh giá cổ phiếu có quan hệ dương, yếu tố chính sách cổ tức có quan hệ âm với biến quyết định của nhà đầu tư cá nhân.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Ý định sẽ dẫn tới quyết định đầu tư

Theo lý thuyết hành vi có kế hoạch (I. Ajzen, 1985, 1987), "Ý định hành vi" (Tiếng Anh: Behavioural intention) là một dấu hiệu cho thấy sự sẵn sàng của một cá nhân để thực hiện một hành vi nhất định. Nó được coi là tiền đề của việc thực hiện hành vi. Nó dựa trên thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan và kiểm soát hành vi. Ý định thực hiện các hành vi thuộc các loại khác nhau có thể được dự đoán với độ chính xác cao từ thái độ đối với hành vi, các chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức được; và những ý định này, cùng với nhận thức về kiểm soát hành vi tạo ra sự khác biệt đáng kể trong hành vi thực tế.

Theo lý thuyết hành động hợp lý (I. Ajzen & Fishbein, 1975) "Ý định thực hiện hành động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hành động, ý định thực hiện hành động càng cao thì khả năng thực hiện hành động này càng lớn."

2.2.2. Hành vi đầu tư

Theo thuyết hành động hợp lý (I. Ajzen & Fishbein, 1975): "Hành vi phải được xác định rõ ràng theo bốn khái niệm sau: Hành động, Mục tiêu, Bối cảnh và Thời gian."

Thuyết này cho rằng ý định hành vi: "Động lực chính của hành vi, trong khi hai yếu tố quyết định chính đối với ý định hành vi là thái độ và chuẩn chủ quan của con người. Bằng cách kiểm tra thái độ và chuẩn chủ quan, các nhà nghiên cứu có thể hiểu được liệu một cá nhân có thực hiện hành động dự định hay không."

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu chính thức cũng được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định lượng này được thực hiện thông qua phương pháp gửi phiếu khảo sát online chủ yếu là sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Số phiếu thu về được sử dụng để kiểm định lại mô hình đo lường cũng như mô hình lý thuyết và các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu chính thức này được thực hiện vào tháng 4 năm 2022.

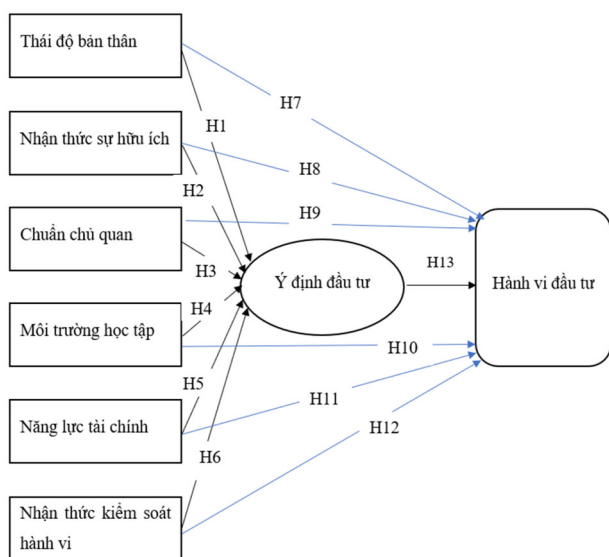
Ở đây, thang đo Likert đã được sử dụng, thang đo này bao gồm hai dạng trả lời, mỗi dạng gồm 5 mức độ như sau:

- (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Bình thường, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý

- (1) Rất không tốt, (2) Không tốt, (3) Bình thường, (4) Tốt, (5) Rất tốt

3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Nhóm tác giả đã đưa ra 8 thang đo cho nghiên cứu của mình, đó là: Thái độ (TD), Nhận thức sự hữu ích (NT), Chuẩn chủ quan (CQ), Môi trường học tập (HT), Năng lực tài chính (TC), Nhận thức kiểm soát hành vi (KS), Ý định đầu tư (YD) và Hành vi đầu tư (HV). Các thang đo của các biến này đã được đánh giá sơ bộ thông qua phương pháp hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA thông qua phần mềm SPSS 20.0 với dữ liệu đã thu thập được từ nghiên cứu chính thức qua bảng hỏi.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Từ mô hình nghiên cứu trên, nhóm tác giả có đưa ra các giả thiết sau:

- H1: Thái độ bản thân có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H2: Nhận thức sự hữu ích có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H3: Chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H4: Môi trường học tập có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H5: Năng lực tài chính có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H6: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động tích cực đến ý định đầu tư
- H7: Thái độ bản thân có tác động tích cực đến quyết định đầu tư
- H8: Nhận thức sự hữu ích có tác động tích cực đến quyết định đầu tư
- H9: Chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến quyết định đầu tư
- H10: Môi trường học tập có tác động tích cực đến quyết định đầu tư

- H11: Năng lực tài chính có tác động tích cực đến quyết định đầu tư

- H12: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động tích cực đến quyết định đầu tư

- H13: Ý định đầu tư có tác động tích cực đến quyết định đầu tư.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Với số phiếu hợp lệ là 250 phiếu, nhóm tác giả đã tiến hành xử lý và phân tích thông qua EXCEL và phần mềm SPSS 20.0. Quá trình khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát được trình bày ở phụ lục. Ban đầu, nhóm tác giả sẽ đánh xử lý sơ bộ qua thống kê tần số.

Bảng 1. Bảng kết quả thống kê mô tả

Tiêu chí		Tần số	Tần suất
Giới tính	Nam	126	50,4
	Nữ	124	49,6
Khóa	K13	34	13,6
	K14	109	43,6
	K15	52	20,8
	K16	55	22,0
Khoa	Quản lý kinh doanh	105	42,0
	Kế toán - Kiểm toán	41	16,4
	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	42	16,8
	Các ngành học khác	62	24,8
Thu nhập	< 1 triệu	124	49,6
	1 - 3 triệu	64	25,6
	3 - 5 triệu	35	14,0
	> 5 triệu	27	10,8
Kinh nghiệm	< 1 năm	197	78,8
	1 - 3 năm	38	15,2
	3 - 5 năm	10	4,0
	> 5 năm	5	2,0
Tổng		250	100,0

(Nguồn: Thống kê mẫu nghiên cứu của nhóm tác giả)

4.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kết quả kiểm tra độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha cho thấy tất cả các hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm biến quan sát đều lớn hơn 0,8. Tất cả các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 và việc loại bất kỳ biến nào cũng sẽ làm giảm độ tin cậy của thang đo. Nhìn chung các biến quan sát đều đảm bảo độ tin cậy để thực hiện các phân tích cần thiết của nghiên cứu. Như vậy, tất cả các biến quan sát sẽ được sử dụng tiếp tục cho phân tích nhân tố khám phá EFA.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá trên phần mềm SPSS đối với nhóm nhân tố độc lập được trình bày như bảng 2.

Bảng 2. Hệ số KMO và Kiểm định Bartlett's đối với nhân tố độc lập

KMO and Bartlett's Test			
Kaiser - Meyer - Olkin Measure of Sampling Adequacy			0,940
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5516,629	
	df	378	
	Sig.	0,000	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 20.0)

Bảng cho thấy hệ số KMO đạt 0,940 > 0,5 chứng tỏ các biến quan sát cần thiết để tạo thành một nhân tố, độ phù hợp của mô hình cao và tất cả các biến quan sát đều có mối tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu (Sig. = 0,000 < 0,05), thỏa mãn các điều kiện của phân tích nhân tố và dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

Qua kiểm định chất lượng thang đo và kiểm định mô hình EFA, nhận diện có 4 thang đo đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đầu tư tài chính của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đó là "Chuẩn chủ quan" (CQ), "Khả năng kiểm soát và tài chính" (KS-TC), "Nhận thức và thái độ bản thân" (NT-TD) và "Môi trường học tập" (HT). Và 2 thang đo đại diện cho quá trình đầu tư tài chính của sinh viên.

4.4. Kiểm định mô hình

4.4.1 Kiểm định mô hình đo lường

Khi đánh giá mô hình đo lường trên SMARTPLS, chúng ta sẽ quan tâm đến:

- Outer Loadings $\geq 0,7$
- Cronbach's Alpha $\geq 0,7$
- Composite Reliability $\geq 0,7$
- AVE $\geq 0,5$
- HTMT $\leq 0,85$

(i) Độ tin cậy tổng hợp và độ tin cậy

Độ tin cậy tổng hợp Composite Reliability (CR) được nhiều nhà nghiên cứu ưu tiên lựa chọn hơn Cronbach's Alpha bởi Cronbach's Alpha đánh giá thấp độ tin cậy hơn so với CR. Chin (1998) cho rằng trong nghiên cứu khám phá, CR phải từ 0,6 trở lên. Với các nghiên cứu khẳng định, ngưỡng 0,7 là mức phù hợp của chỉ số CR (Henseler & Sarstedt, 2013). Nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đồng ý mức 0,7 là ngưỡng đánh giá phù hợp cho đại đa số trường hợp như Hair và cộng sự (2010), Bagozzi & Yi (1988).

Bảng 3. Bảng thể hiện độ tin cậy tổng hợp (CR) và độ tin cậy (CA)

	Độ tin cậy	rho_A	Độ tin cậy tổng hợp	Giá trị hội tụ (AVE)
CQ	0,886	0,892	0,914	0,640
HT	0,915	0,918	0,936	0,746
HV	0,928	0,930	0,946	0,778
KS-TC	0,929	0,934	0,940	0,613
NT-TD	0,901	0,912	0,919	0,620
YD	0,889	0,899	0,919	0,695

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SMART PLS)

Theo bảng kết quả đánh giá, tất cả các biến quan sát có độ tin cậy > 0,7 nên thang đo trên đảm bảo độ tin cậy của mô hình.

(ii) Giá trị hội tụ (AVE)

Để đánh giá tính hội tụ trên SMARTPLS cần phải dựa vào chỉ số phương sai trung bình được trích AVE (Average Variance Extracted). Hock & Ringle (2010) cho rằng một thang đo đạt giá trị hội tụ nếu AVE đạt từ 0,5 trở lên. Mức 0,5 (50%) này mang ý nghĩa biến tiềm ẩn mẹ trung bình sẽ giải thích được tối thiểu 50% biến thiên của từng biến quan sát con.

Theo kết quả phân tích, các thang đo đều đạt giá trị hội tụ bởi giá trị AVE của các biến quan sát đều > 0,5. Với biến tiềm ẩn HV (Hành vi đầu tư) có AVE đạt 0,778 cho thấy biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được tối thiểu 77,8% biến thiên của các biến quan sát con - đây cũng là biến có sự biến thiên cao nhất. Tiếp đến là giá trị AVE của biến tiềm ẩn HT (Môi trường học tập) bằng 0,746, giá trị này cho biết biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được tối thiểu 74,6% biến thiên của các biến quan sát con. Về biến tiềm ẩn CQ (Chuẩn chủ quan), AVE = 0,64 cho biết biến tiềm ẩn mẹ trung bình giải thích được được tối thiểu 64,0% biến thiên của các biến quan sát con. Và biến tiềm ẩn mẹ trung bình NT - TD (Nhận thức và thái độ bản thân) giải thích được tối thiểu 62,0% biến thiên của biến quan sát con, vì AVE = 0,62. Còn về biến tiềm ẩn YD (Ý định đầu tư), biến tiềm ẩn mẹ trung bình này giải thích được tối thiểu 69,5% biến thiên của biến quan sát con. Bên cạnh đó, biến tiềm ẩn KS - TC (Khả năng kiểm soát và tài chính) giải thích được 61,3% biến thiên của từng biến quan sát con.

Bảng 4. Bảng thể hiện giá trị hội tụ AVE

	Độ tin cậy (CA)	rho_A	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Average Variance Extracted (AVE)
CQ	0,886	0,892	0,914	0,640
HT	0,915	0,918	0,936	0,746
HV	0,928	0,930	0,946	0,778
KS-TC	0,929	0,934	0,940	0,613
NT-TD	0,901	0,912	0,919	0,620
YD	0,889	0,899	0,919	0,695

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SMART PLS)

Average Variance Extracted AVE $\geq 0,5$ (Hock & Ringle, 2010)

4.4.2 Kiểm định mô hình cấu trúc

(i) Kết quả về sự phù hợp của mô hình (Model Fit)

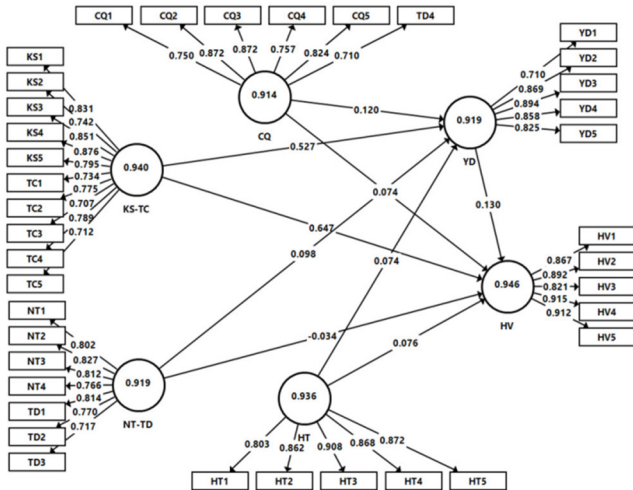
Bảng 5. Bảng thể hiện mô hình Model Fit

Model_Fit		
Fit Summary	Saturated Model	Estimated Model
SRMR	0,079	0,079
d_ ULS	4,675	4,675
d_ G	1,504	1,504

Chi-Square	2803,199	2803,199
NFI	0,762	0,762
RMS Theta	0,139	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SMART PLS)

SRMR: là sự khác biệt giữa phần data thực tế và phần mô hình dự đoán. Hệ số SRMR bằng 0,079 cho thấy mô hình dự đoán càng tốt trùng khớp với dữ liệu.



Hình 2. Sơ đồ mô hình cấu trúc

(iii) Hệ số VIF

Inner VIF Values: Đánh giá hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến tiềm ẩn. Đây là mục quan trọng nhất, bởi đa cộng tuyến giữa các biến tiềm ẩn độc lập là vấn đề nghiêm trọng.

Outer VIF Values: Đánh giá hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến quan sát. Với các cấu trúc được xây dựng theo mô hình reflective, chúng ta không cần quan tâm đến chỉ số này. Với các cấu trúc được xây dựng theo mô hình formative, chỉ số này cao cũng nghiêm trọng như Inner VIF Values, chúng ta cần phải xử lý.

Theo Hair và cộng sự (2019), nếu VIF từ 5 trở đi, mô hình có khả năng rất cao xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến. Ngưỡng đánh giá VIF do nhóm tác giả đề xuất như sau:

VIF ≥ 5: Khả năng xuất hiện đa cộng tuyến là rất cao.

3 ≤ VIF ≤ 5: Có thể gặp hiện tượng đa cộng tuyến.

VIF < 3: Có thể không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Từ bảng Inner VIF ta thấy các biến đều có hệ số VIF nhỏ hơn 5 và chỉ riêng có hệ số KS-TC lớn hơn 3 (3,027) thì có dấu hiệu đa cộng tuyến, tuy nhiên về tổng thể thì VIF nhỏ hơn 5 vẫn ổn.

5. KẾT LUẬN

Theo kết quả nghiên cứu định tính và định lượng, phần lớn việc kiểm soát về hoạt động đầu tư của bản thân của sinh viên đang ở mức bình thường (Mean = 3,2888). Một phần là do sinh viên chưa kiểm soát tốt hoạt động đầu tư của mình, cũng như chưa có nhiều kiến thức sâu rộng về hoạt động đầu tư của bản thân mình. Điều này chứng minh

ở giá trị trung bình của các biến quan sát, “Cách thức kiểm soát và phòng ngừa rủi ro” là biến có giá trị trung bình nhỏ nhất (Mean = 3.16), cho thấy cách thức kiểm soát và phòng ngừa rủi ro của sinh viên chưa tốt, chỉ nằm ở mức trung bình, sinh viên chưa đủ hành trang kiến thức cho những rủi ro mình sẽ gặp phải khi tham gia đầu tư để giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, việc đánh giá các phương thức đầu tư khác nhau của sinh viên chưa được đánh giá cao, khi sinh viên vẫn chưa tìm được nhiều phương thức đầu tư khác nhau để đánh giá cũng như áp dụng, sinh viên mới chỉ dừng lại ở việc xem xét chứ chưa đánh giá kĩ càng.

Thứ nhất, đối với nhóm các yếu tố được đề xuất trong mô hình lý thuyết về hành động hợp lý và hành vi có kế hoạch xác nhận vai trò của yếu tố thái độ. Kết quả này cho thấy, mặc dù đa phần sinh viên luôn có sự yêu thích với các thông tin đầu tư tài chính nhưng sinh viên vẫn chưa có ý thức tự giác, chưa thực sự quan tâm để nâng cao và cập nhật kiến thức, kỹ năng về hoạt động đầu tư.

Thứ hai, đối với yếu tố năng lực tài chính. Các biến năng lực tài chính đã thể hiện khả năng tài chính của sinh viên khi quyết định đầu tư tài chính. Kết quả thảo luận nhóm cũng cho thấy đối tượng khảo sát đều hiểu rõ câu hỏi đặt ra và chúng biểu thị năng lực tài chính, mức độ sẵn sàng khi đầu tư tài chính của sinh viên. Nhưng sự ủng hộ và hỗ trợ từ gia đình và bạn bè cũng đang dừng ở mức bình thường, cho thấy đa số sinh viên vẫn chưa có sự ủng hộ nhiệt tình từ bạn bè và gia đình, đây cũng là một trong ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện đầu tư.

Do vậy, thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp và kiến nghị đối nhà trường cũng như chính bản thân mỗi cá nhân sinh viên cụ thể như sau:

Đối với nhà trường

Thứ nhất, tuyên truyền nhận thức, nâng cao kỹ năng quản lý tài chính cho sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường là vô cùng cần thiết. Hiện nay, nhiều chương trình đã được các doanh nghiệp, cơ quan chức năng, ngân hàng tổ chức hướng đến các bạn sinh viên.

Thứ hai, thực hiện những chương trình truyền thông để phổ cập các kiến thức về tài chính cho sinh viên, trang bị các kỹ năng tài chính để sinh viên trở thành những người sử dụng dịch vụ tài chính thông minh. Chú trọng việc truyền đạt lại kiến thức một cách thực tế sau khi sinh viên đã hoàn thành nội dung môn học, kết hợp truyền tải các kiến thức thực tế đời sống – xã hội.

Thứ ba, tăng cường chia sẻ từ cố vấn học tập, các giảng viên bộ môn để sinh viên có thêm định hướng về cách thức học tập và nghiên cứu hiệu quả.

Thứ tư, Mở các CLB đầu tư trong khuôn viên khoa, trường và mạng lưới CLB đầu tư cùng các sinh viên trường ngoài. Bên cạnh đó tổ chức các cuộc thi về đầu tư, mở các khóa đào tạo nâng cao cho sinh viên.

Đối với bản thân

Rèn luyện thói quen tích lũy và tiết kiệm. Khi sinh viên tham gia vào đầu tư tài chính, phần nào giúp tạo thói quen

tích lũy một phần thu nhập để đầu tư sinh lời. Học cách tiết kiệm tiền và đầu tư giúp cải thiện được cuộc sống của bản thân và gia đình.

Tim tài và tích lũy kiến thức. Trước khi bắt đầu đầu tư, bạn cần trang bị các kiến thức về thị trường cũng như cách thức giao dịch. Ngoài kiến thức về các quy trình giao dịch cơ bản, còn cần cập nhật các tin tức và sự kiện mới nhất của thị trường có ảnh hưởng đến cổ phiếu, trái phiếu, kế hoạch lãi suất, triển vọng kinh tế,... Có nền tảng kiến thức vững chắc sẽ giúp tự tin đầu tư và ra quyết định giao dịch hơn.

Trong quá trình đầu tư, cũng cần không ngừng học hỏi, tích lũy thêm kiến thức và kỹ năng để đầu tư hiệu quả. Bạn có thể tích lũy kiến thức qua sách, các khóa học online, tìm hiểu thông tin trên mạng Internet.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Vương Văn Thuận, 2015. *Sử dụng hồi quy với biến công cụ để tìm hiểu các yếu tố chi phối quyết định đầu tư của nhà đầu tư chứng khoán Việt Nam*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập.
- [2]. Đinh Thùy Dung, 2022. *Quyết định đầu tư là gì? Tầm quan trọng và các yếu tố ảnh hưởng*. Luật Dương Gia.
- [3]. Đức Thiện, 2021. *Tại sao sinh viên thời 4.0 phải trang bị kỹ năng quản lý tài chính*. Tạp chí Tuổi trẻ.
- [4]. Khaosat.me, 2019. *Sự khác biệt giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng*.
- [5]. KiddiHub, 2021. *Thanh đo Likert: Cách chạy SPSS và ứng dụng*.
- [6]. Lê Hoàng Anh, Đỗ Ngọc Duy, Ngô Gia Phong, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Hoàng Minh Quang, 2018. *Nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên Việt Nam*. Kinh tế Việt Nam năm 2018 và triển vọng năm 2019.
- [7]. Lê Bảo Lâm, Lê Văn Hương, 2016. *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại tỉnh Tiền Giang*. Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang.
- [8]. Lê Trọng Minh, 2021. *Cơ hội đầu tư dành cho sinh viên ngay từ khi ngồi ghế nhà trường*. Báo Đầu tư.
- [9]. Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Minh Kiều, 2013. *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân tại sàn giao dịch TP.HCM*. Tạp chí Khoa học trường Đại học Mở TP.HCM.
- [10]. Phạm Thị Hoàng Anh, Ngô Thu Uyên, Lê Hoàng Long, Nguyễn Anh Tú, Phạm Thị Hồng Nhung, Hà Hoàng Nam, 2021. *Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 230.
- [11]. Phạm Ngọc Toàn, 2018. *Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Công thương.
- [12]. Phan Nam Giang, 2020. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam*. Tạp chí Tài chính
- [13]. Phan Thị Như Hiếu, 2019. *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân tại Thành phố Huế*.
- [14]. Trương Thị Ngọc An, 2015. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thông tin trên BCTC của nhà đầu tư cá nhân tại TTCK TP.Hồ Chí Minh*.
- [15]. Trương Đình Bảo Long, 2018. *Nghiên cứu hành vi quá tự tin của nhà quản trị trong việc ra quyết định tài chính đối với các doanh nghiệp Việt Nam*.
- [16]. Timo, 2022. *Cách đầu tư tài chính cá nhân hiệu quả, an toàn nhất năm 2022*.
- [17]. Thanh Trúc, 2019. *Giải mã "tự so tài chính" dành cho sinh viên*. Thời báo Ngân hàng.
- [18]. Delvia Istiana, Dhani Ichsanuddin Nur, 2020. *The Role of Financial Behavior in Improving Investment Decision: Empirical Evidence of The Students of Economics and Business Faculty UPN "Veteran" Jawa Timur*.
- [19]. Hussein A Hassan Al-Tamimi, 2006. *Factors influencing individual investor behavior: an empirical study of the UAE financial markets*.
- [20]. Malmendier, Tate, 2005. *Confidence and optimism of business owners towards business investment*.
- [21]. Mouna, Anis, 2013. *Financial literacy and decision making: an overview from tunisia*.
- [22]. Nagy, Obenberger 1994. *Factors Influencing Individual Investor Behavior*.
- [23]. Ronald E. Goldsmith, Elizabeth B. Goldsmith, 2015. *The effects of investment education on gender differences in financial knowledge*.
- [24]. R. Rajesh, Devansh Daga, 2019. *Factors affecting investment behavior of students in Bangalore*.
- [25]. Sulae Rahman Nidar, Sandi Bestari, 2012. *Personal Financial Literacy Among University Students (Case Study at Padjadjaran University Students, Bandung, Indonesia)*.
- [26]. Vido Novianggie, Nadia Asandimitra, 2019. *The Influence of Behavioral Bias, Cognitive Bias, and Emotional Bias on Investment Decision for College Students with Financial Literacy as the Moderating Variable*.
- [27]. Xuemei Shen, 2021. *Research on Personal Financial Management Methods and Investment Strategies Based on the Concept of Quantitative Thinking*.